

Số: 70/QĐ-ĐHXDMT

Phủ Yên, ngày 20 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải Kỳ thi Olympic các học phần năm học 2019-2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐTĐHXDMT ngày 09/09/2019 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 69 /QĐ-ĐHXDMT ngày 20 /02/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc Công nhận kết quả Kỳ thi Olympic các học phần năm học 2019-2020;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Trường Đại học Xây dựng Miền Trung,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khen thưởng cho các tập thể và các cá nhân đạt giải trong kỳ thi Olympic các học phần học 2019-2020.

(Có danh sách kèm theo)

1. Về tập thể:

Giải thưởng	Tập thể (tiền thưởng mỗi giải)
01 giải nhất	500.000 đồng
01 giải nhì	300.000 đồng
01 giải ba	200.000 đồng

2. Về cá nhân:

Giải thưởng	Cá nhân (gồm giấy chứng nhận và tiền thưởng mỗi giải)
10 giải nhất	300.000 đồng
11 giải nhì	200.000 đồng
20 giải ba	100.000 đồng
37 giải khuyến khích	Cấp giấy chứng nhận

Điều 2. Thưởng điểm học phần và điểm rèn luyện cho các cá nhân đạt giải theo thông báo số 141/TB-ĐHXDMT ngày 23/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung

(Có danh sách kèm theo).

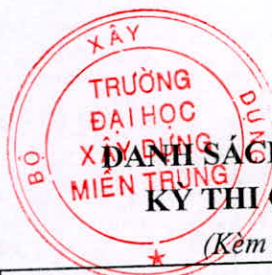
Điều 3. Trưởng các đơn vị, các tập thể lớp và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- BGH;
- Như điều 3;
- Lưu: QLĐT. 



PGS.TS.KTS Nguyễn Vũ Phương



**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG SINH VIÊN ĐẠT GIẢI CÁ NHÂN
KỶ THI OLYMPIC CÁC HỌC PHẦN NĂM HỌC 2019-2020**

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-ĐHXDMT ngày 20/02/2020)

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHXDM1 ngày 29/02/2020)

STT	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM	ĐẠT GIẢI	TIỀN THƯỞNG	KÝ NHẬN	GHI CHÚ
I. TIẾNG ANH								
1	Nguyễn Thành	Luân	D17X4	7.7	Nhì	200.000		
2	Trần Vĩnh	An	D16KX2	7	Ba	100.000		
3	Trần Lê Ánh	Diễm	D16KX1	6.6	Ba	100.000		
II. GIẢI TÍCH								
1	Trần	Lượng	D15X1	8.5	Nhất	300.000		
2	Lê Minh	Hiếu	D18X4	7.5	Nhì	200.000		
III. ĐẠI SỐ								
1	Lê Thị Hồng	Lĩnh	D16QX	9.8	Nhất	300.000		
2	Phan Hữu	Thoại	D19X4	8.5	Nhất	300.000		
3	Nguyễn Ngọc	Hiếu	D19KT1	8.5	Nhất	300.000		
4	Phan Hoài	Nam	D19X4	8	Nhì	200.000		
5	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	D19X4	7	Ba	100.000		
6	Đặng Thông	Quang	D18K	7	Ba	100.000		
7	Bùi Thị Kim	Cúc	D19KT1	7	Ba	100.000		
8	Dương Bích	Vy	D19KT2	7	Ba	100.000		
9	Nguyễn Tàn	Nhất	D18X2	6.5	Ba	100.000		
IV. CƠ HỌC CƠ SỞ								
1	Huỳnh Minh	Dương	D18X3	9	Nhất	300.000		
2	Lê Quốc	Duy	D18X4	9	Nhất	300.000		
3	Phan Nguyễn Bích	Diệp	D17X1	8	Nhì	200.000		
4	Phan Tuấn	Duy	D16X3	8	Nhì	200.000		
5	Đỗ Trần Cao	Thắng	D18X2	7.5	Nhì	200.000		
6	Nguyễn Phước	Tiến	D18X3	7.3	Ba	100.000		
7	Nguyễn Hữu	Tài	D17X1	7	Ba	100.000		
8	Nguyễn Công	Danh	D17X3	7	Ba	100.000		
9	Nguyễn Thị Kim	Yến	D19KX1	6.5	Ba	100.000		
V. SỨC BỀN VẬT LIỆU								
1	Phan Công	Sự	D17X1	7.3	Ba	100.000		
2	Nguyễn Ngọc	Hưng	D18X1	7	Ba	100.000		
3	Lê Hữu	Thuần	D16X2	6.8	Ba	100.000		
4	Phan Công	Nguyên	D15X3	6.5	Ba	100.000		
V. CƠ HỌC KẾT CẤU								
1	Trần Quốc Như	Ý	D17X4	8.8	Nhất	300.000		
2	Lê Mạnh	Cường	D16X5	8.5	Nhất	300.000		
3	Huỳnh Đức	Lương	D16CD1	8	Nhì	200.000		
VII. CƠ HỌC ĐẤT								
1	Dương Trọng	Nhân	D16X1	8.3	Nhì	200.000		
2	Dương Thành	Luân	D18X3	6.8	Ba	100.000		
IX. THIẾT KẾ NHANH								
1	Nguyễn Văn	Phúc	D16K	9	Nhất	300.000		
2	Trần Quốc	Tuấn	D16K	9	Nhất	300.000		
3	Lê Gia	Đạt	D16K	8	Nhì	200.000		

ẤY
RUC
AIH
YD
NT

STT	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM	ĐẠT GIẢI	TIỀN THƯỞNG	KÝ NHẬN	GHI CHÚ
4	Nguyễn Đình	Tiền	D17K	7.5	Nhì	200.000		
5	Lê Thị Trà	My	D16K	7	Ba	100.000		
6	Võ Kim Minh	Thư	D16K	7	Ba	100.000		
X. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG								
1	Lê Anh	Tuấn	D16QX	8	Nhì	200.000		
2	Nguyễn Ngọc	Hào	D18X4	6.8	Ba	100.000		
XI. TRẮC ĐỊA								
1	Nguyễn Mạnh	Quân	D16X5	6.5	Ba	100.000		
TỔNG CỘNG						7.200.000		

**DANH SÁCH KHEN THƯỞNG CHO CÁC TẬP THỂ ĐẠT GIẢI
KỲ THI OLYMPIC CÁC HỌC PHẦN NĂM HỌC 2019-2020**

(Kèm theo Quyết định số 30/QĐ-ĐHXDMT ngày 20/02/2020)

STT	LỚP	ĐẠT GIẢI	TIỀN THƯỞNG	KÝ NHẬN	GHI CHÚ
1	D16K	Giải nhất	500.000		
2	D18X4	Giải nhì	300.000		
3	D19X4	Giải ba	200.000		
TỔNG CỘNG			1.000.000		

NG
100
UN
RU

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC THƯỞNG ĐIỂM HỌC PHẦN
VÀ ĐIỂM RÈN LUYỆN KỲ THI OLYMPIC CÁC HỌC PHẦN NĂM HỌC 2019-2020**
(Kèm theo Quyết định số 70/QĐ-ĐHXDMT ngày 20/02/2020)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM	KẾT LUẬN	HP ĐƯỢC CHUYÊN ĐIỂM	CHUYÊN ĐIỂM HP	ĐIỂM RÈN LUYỆN	GHI CHÚ
I. TIẾNG ANH								
1	Nguyễn Thành Luân	D17X4	7.7	Nhì	Anh văn 1/ Anh văn 2	9	5	
2	Trần Vĩnh An	D16KX2	7	Ba	Anh văn 1/ Anh văn 2	8	5	
3	Trần Lê Ánh	D16KX1	6.6	Ba	Anh văn 1/ Anh văn 2	8	5	
4	Lê Hoàng Minh	D18X1	5.3	KK	Anh văn 1/ Anh văn 2	7	5	
5	Nguyễn Quốc	D18X4	5	KK	Anh văn 1/ Anh văn 2	7	5	
6	Sử Chấn	D17X4	4.5				2	
7	Huỳnh Thanh	D17CD	4.3				2	
8	Nguyễn Thị Ái	D16KX2	4				2	
9	Phan Thanh	D18X4	3.8				2	
10	Bùi Huỳnh	D17K	3.7				2	
11	Nguyễn Ngọc Lan	D16QX	3.7				2	
12	Hà Thị Trúc	D17K	3.6				2	
13	Phạm Xuân	D16X2	3.3				2	
14	Võ Trần Tuấn	D16X5	3.3				2	
15	Trần Nhật	C18X	3.1				2	
16	Nguyễn Duy	D17CD	2.7				2	
17	Trần Hải	D16X3	2.4				2	
18	Võ Thị Tuyết	D17K	2.2				2	
19	Hồ Thị Như	D16QX	2.2				2	
20	Nguyễn Thái	D18X1	1.8				2	
21	Trần Lê Kim	D16KX1	1.7				2	
22	Trần Thị Bảo	D19KX1	1.5				2	
23	Cao Xuân	D19K1	1.1				2	
24	Dương Thành	D19QX1	0.9				2	
25	Thái Nhật	D19QX1	0.3				2	
26	Ngô Thanh	D19QX1	0.1				-2	Vắng
27	Ngô Thanh	D18CD1					-2	Vắng
28	Lê Anh	D16X3					-2	Vắng
29	Nguyễn Thái	D18X1					-2	Vắng
30	Lê Hoàng Minh	D18X1						
II. GIẢI TÍCH								
1	Trần Lượng	D15X1	8.5	Nhất	Giải tích 1/ Giải tích 2	10	5	
2	Lê Minh	D18X4	7.5	Nhì	Giải tích 1/ Giải tích 2	9	5	
3	Đặng Thị Kim	D19KX1	6	KK	Giải tích 1/ Giải tích 2	7	5	
4	Huỳnh Văn	D19QX1	4				2	
5	Nguyễn Thị Kim	D19KX1	4				2	
6	Nguyễn Đình	D16X2	2				2	
7	Nguyễn Thị Diệu	D19QX1	1				2	
8	Huỳnh Minh	D18X3	1				-2	Vắng
9	Huỳnh Minh	D18X3					-2	Vắng
10	Nguyễn Huy	C18X						
III. ĐẠI SỐ								
1	Lê Thị Hồng	D16QX	9.8	Nhất	ĐSTT/ Toán cao cấp	10	5	
2	Phan Hữu	D19X4	8.5	Nhất	ĐSTT/ Toán cao cấp	10	5	

STT	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM	KẾT LUẬN	HP ĐƯỢC CHUYÊN ĐIỂM	CHUYÊN ĐIỂM HP	ĐIỂM RÈN LUYỆN	GHI CHÚ
3	Nguyễn Ngọc	Hiếu	D19KT1	8.5	Nhất	ĐSTT/ Toán cao cấp	10	5	
4	Phan Hoài	Nam	D19X4	8	Nhi	ĐSTT/ Toán cao cấp	9	5	
5	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	D19X4	7	Ba	ĐSTT/ Toán cao cấp	8	5	
6	Đặng Thông	Quang	D18K	7	Ba	ĐSTT/ Toán cao cấp	8	5	
7	Bùi Thị Kim	Cúc	D19KT1	7	Ba	ĐSTT/ Toán cao cấp	8	5	
8	Dương Bích	Vy	D19KT2	7	Ba	ĐSTT/ Toán cao cấp	8	5	
9	Nguyễn Tàn	Nhất	D18X2	6.5	Ba	ĐSTT/ Toán cao cấp	8	5	
10	Phạm Đức	Tài	D19X4	6	KK	ĐSTT/ Toán cao cấp	7	5	
11	Trần Anh	Hòa	D19X4	6	KK	ĐSTT/ Toán cao cấp	7	5	
12	Lê	Vy	D19CD1	4.5				2	
13	Nguyễn Văn	Học	D19X4	3.5				2	
14	Nguyễn Trường	Vũ	D19X4	2.5				2	
15	Phan Hồ Quang	Huy	D19X4					-2	Vắng
16	Nguyễn Trọng	Thiên	D19X4					-2	Vắng
17	Dương Minh	Tiến	D18K					-2	Vắng
18	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D19KT1					-2	Vắng

IV. CƠ HỌC CƠ SỞ

1	Huỳnh Minh	Dương	D18X3	9	Nhất	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	10	5	
2	Lê Quốc	Duy	D18X4	9	Nhất	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	10	5	
3	Phan Nguyễn Bích	Diệp	D17X1	8	Nhi	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	9	5	
4	Phan Tuấn	Duy	D16X3	8	Nhi	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	9	5	
5	Đỗ Trần Cao	Thắng	D18X2	7.5	Nhi	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	9	5	
6	Nguyễn Phước	Tiến	D18X3	7.3	Ba	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	8	5	
7	Nguyễn Hữu	Tài	D17X1	7	Ba	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	8	5	
8	Nguyễn Công	Danh	D17X3	7	Ba	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	8	5	
9	Nguyễn Thị Kim	Yến	D19KX1	6.5	Ba	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	8	5	
10	Nguyễn Quý	Sang	D18X3	6	KK	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	7	5	
11	Hồ Khắc	Nguyên	D16CD1	6	KK	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	7	5	
12	Huỳnh Phan Văn	Toán	D18X4	5.8	KK	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	7	5	
13	Nguyễn Bá	Nghĩa	D19KX1	5.5	KK	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	7	5	
14	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D19KX1	5.5	KK	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	7	5	
15	Lê Hoài	Vũ	D18X4	5	KK	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	7	5	
16	Nguyễn Văn	Cường	D17X1	5	KK	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	7	5	
17	Trần Anh	Tuấn	D17X1	5	KK	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	7	5	
18	Phạm Minh	Châu	D16X3	5	KK	CHCS/ CHCS 1/ CHCTR	7	5	
19	Đặng Thị Kim	Phấn	D18X4	4.5				2	
20	Nguyễn Quốc	Hoan	D19X4	4				2	
21	Lê Nhật	Tùng	D18X4	4				2	
22	Lê Đức	Trúc	D17X3	4				2	
23	Nguyễn Như	Thuần	D16X3	4				2	
24	Nguyễn Văn	Phanh	D18X2	4				2	
25	Hồ Thị Lan	Anh	D19KX1	4				2	
26	Trần Thị	Ngà	D16QX	4				2	
27	Đoàn Quốc	Duy	D16CD1	4				2	
28	Phạm Văn	Toán	C18X	2.5				2	
29	Bùi Hữu	Tĩnh	D16X3	0.5				2	
30	Phạm	Sơn	D16X3	0				2	
31	Đào Xuân	Thùy	D18QX					-2	Vắng

V. SỨC BỀN VẬT LIỆU

STT	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM	KẾT LUẬN	HP ĐƯỢC CHUYỂN ĐIỂM	CHUYỂN ĐIỂM HP	ĐIỂM RÈN LUYỆN	GHI CHÚ
1	Phan Công	Sự	D17X1	7.3	Ba	SBVL 1/ CHCTR	8	5	
2	Nguyễn Ngọc	Hưng	D18X1	7	Ba	SBVL 1/ CHCTR	8	5	
3	Lê Hữu	Thuần	D16X2	6.8	Ba	SBVL 1/ CHCTR	8	5	
4	Phan Công	Nguyên	D15X3	6.5	Ba	SBVL 1/ CHCTR	8	5	
5	Ngô Trần Anh	Tú	D18X2	5.8	KK	SBVL 1/ CHCTR	7	5	
6	Phan Thanh	Phương	D15X7	4.5				2	
7	Bùi Ngọc	Thiện	D16CD1	4				2	
8	Nguyễn Phi	Hùng	D16X3	3.8				2	
9	Huỳnh Ngọc	Đại	D16X5	3.5				2	
10	Trần Đồng	Tiến	D15X7	2				2	
11	Đặng Kim	Hoàng	D17X1					-2	Vắng
12	Hà Phú	Huy	D17X1					-2	Vắng
13	Nguyễn Ngọc	Hưng	D18X1					-2	Vắng

V. CƠ HỌC KẾT CẤU

1	Trần Quốc Như	Ý	D17X4	8.8	Nhất	CHKC 1/ CHCTR	10	5	
2	Lê Mạnh	Cường	D16X5	8.5	Nhất	CHKC 1/ CHCTR	10	5	
3	Huỳnh Đức	Lương	D16CD1	8	Nhi	CHKC 1/ CHCTR	9	5	
4	Nguyễn Ngọc	Tú	D17X4	5.8	KK	CHKC 1/ CHCTR	7	5	
5	Nguyễn Thanh	Quần	D17X4	5.8	KK	CHKC 1/ CHCTR	7	5	
6	Nguyễn Thành	Sâm	D17X4	5.3	KK	CHKC 1/ CHCTR	7	5	
7	Phan Văn	Linh	D17CD	4.5				2	
8	Hứa Châu	Ngân	D17CD	4				2	
9	Lê Phúc	Thọ	D16X4	3.3				2	
10	Trịnh Minh	Hiếu	D16X5	2.5				2	
11	Trần Văn	Đỉnh	D16X3	2				2	
12	Hồ Huy	Hoàng	D17CD	1.8				2	
13	Nguyễn Quốc	Toàn	D17CD	1.8				2	
14	Nguyễn Văn	Trọng	D17X4	1.5				2	
15	Nguyễn Hoàng	Phú	D17X4	1.5				2	
16	Nguyễn Hữu	Trực	D17X4					-2	Vắng
17	Nguyễn Tiến	Triệu	D15CD2					-2	Vắng
18	Nguyễn Tấn	Phúc	D16X3					-2	Vắng
19	Phan Lữ Thành	Vin	D16X4					-2	Vắng

VII. CƠ HỌC ĐẤT

1	Dương Trọng	Nhân	D16X1	8.3	Nhi	CHĐ/ Địa kỹ thuật	9	5	
2	Dương Thành	Luân	D18X3	6.8	Ba	CHĐ/ Địa kỹ thuật	8	5	
3	Lê Thảo	Vy	D18X4	5	KK	CHĐ/ Địa kỹ thuật	7	5	
4	Võ Phụng	Lân	D17X1	4.5				2	
5	Võ Đức	Triều	D16CD1	3.3				2	
6	Lê Trọng	Huy	D18X3	2.5				2	
7	Nguyễn Lê Anh	Phúc	D18X1	2.5				2	
8	Lê Trọng	Nghĩa	D18X3	1				2	
9	Phan Văn	Đông	D18X1	0.5				2	
10	Trương Minh	Vương	D18X2	0.5				2	
11	Lê Minh	Hiếu	D18X1					-2	Vắng
12	Trương Quan	Vân	D16KX2					-2	Vắng
13	Huỳnh Ngọc	Đại	D18X4					-2	Vắng
14	Phạm Tâm	Hòa	D17X3					-2	Vắng
15	Mai Xuân	Trận	D16X1					-2	Vắng

STT	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM	KẾT LUẬN	HP ĐƯỢC CHUYỂN ĐIỂM	CHUYỂN ĐIỂM HP	ĐIỂM RÈN LUYỆN	GHI CHÚ
-----	-----------	--	-----	------	-------------	------------------------	-------------------	----------------------	------------

VIII. HÌNH HỌA-VẼ KỸ THUẬT

1	Phạm Thị Mỹ	Linh	D19QX1	6	KK	HHHH/ HHHH1/ HHHH2/ VKT/ HH&VKT	7	5	
2	Đặng Văn	Thông	D19K1	5.8	KK	HHHH/ HHHH1/ HHHH2/ VKT/ HH&VKT	7	5	
3	Võ Đoàn	Trúc	D15X3	5	KK	HHHH/ HHHH1/ HHHH2/ VKT/ HH&VKT	7	5	
4	Lê Thanh	Hoàng	D18X1	4.5				2	
5	Huỳnh Hiếu	Vinh	D17X4	4				2	
6	Trần Lân	Phong	D19X4	4				2	
7	Đoàn Minh	Sang	D17X1	3				2	
8	Phan Hoàng	Đạt	D17CD	2				2	
9	Lê Thành	Vũ	D19QX1	2				2	
10	Phan Anh	Hào	D18K	1				2	
11	Nguyễn Văn	Tinh	D17X1	1				2	
12	Phạm Quốc Duy	Toàn	D17X1	1				2	
13	Trần Tiến	Thành	D16X3	1				2	
14	Võ Thị Cẩm	Ly	D19KX1	1				2	
15	Nguyễn Minh	Khoa	D17X1	0				2	
16	Trần Nhân	Quân	D17K					-2	Vắng
17	Nguyễn Trọng	Nghĩa	D17CD					-2	Vắng
18	Phạm Triệu	Long	D17CD					-2	Vắng
19	Hoa Cường	Minh	D16X3					-2	Vắng
20	Bùi Xuân	Trung	D16X3					-2	Vắng
21	Lê Thanh	Hoàng	D18X1					-2	Vắng

IX. THIẾT KẾ NHANH

1	Nguyễn Văn	Phúc	D16K	9	Nhất	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	10	5	
2	Trần Quốc	Tuấn	D16K	9	Nhất	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	10	5	
3	Lê Gia	Đạt	D16K	8	Nhi	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	9	5	
4	Nguyễn Đình	Tiền	D17K	7.5	Nhi	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	9	5	
5	Lê Thị Trà	My	D16K	7	Ba	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	8	5	
6	Võ Kim Minh	Thư	D16K	7	Ba	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	8	5	
7	Phan Văn	Khởi	D17K	5.5	KK	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	7	5	
8	Phan Sử Chánh	Trực	D17K	5	KK	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	7	5	
9	Phùng Thanh	An	D17K	5	KK	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	7	5	
10	Đỗ Quốc	Bảo	D17K	5	KK	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	7	5	
11	Trương Văn	Quốc	D18K	5	KK	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	7	5	
12	Tạ Đông	Phương	D16K	5	KK	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	7	5	
13	Đặng Bảo Quốc	Phi	D16K	5	KK	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	7	5	
14	Phạm Văn	Mỹ	D16K	5	KK	TKN 1/ 2/ 3/ 4/ 5	7	5	
15	Nguyễn Tài	Châu	D17K	3				2	
16	Huỳnh Tấn	Viễn	D19K1	3				2	
17	Trần Thanh	Hùng	D19K1	3				2	
18	Đỗ Trung	Tín	D19K1	3				2	
19	Nguyễn Công	Thắng	D19K1	3				2	
20	Nguyễn Công	Thành	D19K1	3				2	
21	Võ Ngọc	Trai	D19K1	3				2	
22	Phạm Thị Mỹ	Huê	D19K1	2.5				2	
23	Nguyễn Trọng	Triều	D19K1	2.5				2	
24	Lê Ngọc Thùy	Dung	D19K1	2				2	
25	Ngô Quốc	Kiệt	D19K1	2				2	

B2

STT	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM	KẾT LUẬN	HP ĐƯỢC CHUYÊN ĐIỂM	CHUYÊN ĐIỂM HP	ĐIỂM RÈN LUYỆN	GHI CHÚ
26	Nguyễn Quốc	Trung	D19K1	2				2	
27	Nguyễn Minh	Tuấn	D19K1	2				2	
28	Huỳnh Thị Sa	Ny	D19K1	2				2	
29	Lê Thị	Nhị	D19K1	2				2	
30	Đặng Văn	Thông	D19K1	1				2	
31	Lê Hồng	Phi	D19K1	1				2	
32	Huỳnh Bùi Duy	Thắng	D19K1	0				2	
33	Nguyễn Lê Ngọc	Toán	D19K1	0				2	
34	Huỳnh Hải	Tú	D19K1	0				2	
35	Nguyễn Minh	Hiếu	D17K					-2	Vắng
36	Trần Thị Minh	Thanh	D19K1					-2	Vắng
37	Lương Công	Phin	D19K1					-2	Vắng
38	Phạm Nguyễn Mạnh	Tân	D19K1					-2	Vắng
39	Đặng Hùng	Quốc	D16K					-2	Vắng
40	Kiều Thị Kim	Khuê	D16K					-2	Vắng
41	Biện Thị Tuyết	Sinh	D16K					-2	Vắng
42	Bùi Thị Kim	Khuê	D16K					-2	Vắng
43	Nguyễn Minh	Tâm	D16K					-2	Vắng

X. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG

1	Lê Anh	Tuấn	D16QX	8	Nhị	THĐC/ THVP	9	5	
2	Nguyễn Ngọc	Hào	D18X4	6.8	Ba	THĐC/ THVP	8	5	
3	Nguyễn Quốc	Trí	D16KX2	6	KK	THĐC/ THVP	7	5	
4	Lê Thái	Khang	D17X1	5.8	KK	THĐC/ THVP	7	5	
5	Trần Quốc	Ảnh	D19QX1	5.5	KK	THĐC/ THVP	7	5	
6	Nguyễn Đắc	Thịnh	D17X1	5.3	KK	THĐC/ THVP	7	5	
7	Nguyễn Văn	Huy	D18X4	4.8				2	
8	Nguyễn Minh	Kiệt	D16QX	4.8				2	
9	Lương Công	Chính	D16QX	4.8				2	
10	Trần Diễm	Hằng	D19KT1	4.8				2	
11	Lê Văn	Sang	D17KX2	4.5				2	
12	Nguyễn Quốc	Toàn	D19QX1	3.5				2	
13	Nguyễn Tiến	Hưng	D16QX	3.5				2	
14	Lê Thị Phương	Hoa	D16KX2	3.3				2	
15	Nguyễn Quang	Linh	D18X4	3.3				2	
16	Nguyễn Thị Thu	Trang	D19KT1	3.3				2	
17	Trịnh Quốc	Huy	D19QX1	3				2	
18	Trần Văn	Tâm	D19X4	2.8				2	
19	Đinh Chính	Huy	D16QX	2.3				2	
20	Nguyễn Minh	Hoan	D16QX	2				2	
21	Lương Bảo	Thuận	D16QX	1.3				2	
22	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	D19KT1	0.8				-2	Vắng
23	Nguyễn Thanh	Tùng	D17CD					-2	Vắng
24	Nguyễn Tuyết	Ngân	D19KT1					-2	Vắng
25	Đặng Thị Bích	Hà	D19KT1					-2	Vắng
26	Lê Hồng	Phi	D19K1					-2	Vắng

XI. TRẮC ĐỊA

1	Nguyễn Mạnh	Quân	D16X5	6.5	Ba	Trắc địa	8	5	
2	Đỗ Mạnh Tường	Duy	D18X1	6.3	KK	Trắc địa	7	5	
3	Nguyễn Nhật	Linh	D16X1	5.5	KK	Trắc địa	7	5	

STT	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM	KẾT LUẬN	HP ĐƯỢC CHUYÊN ĐIỂM	CHUYÊN ĐIỂM HP	ĐIỂM RÈN LUYỆN	GHI CHÚ
4	Lê Thái	Minh	D16X5	5.3	KK	Trắc địa	7	5	
5	Nguyễn Ngọc	Sự	D18X2	4.8				2	
6	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	D16KX2	4.5				2	
7	Văn Tấn	Tài	D16QX	4.3				2	
8	Trương Công	Trịnh	D18X1	4.3				2	
9	Nguyễn Thành	Đạt	D15X7	4.3				2	
10	Trần Ngọc	Vinh	D18X1	4				2	
11	Đinh Tấn	Lực	D16X3	3.8				2	
12	Nguyễn Hữu	Trưởng	D16X3	3.8				2	
13	Nguyễn Văn	Vinh	D18X2	3.8				2	
14	Nguyễn Văn	Hòa	D16QX	3.8				2	
15	Phan Ngọc	Sơn	C18X	3.5				2	
16	Võ Minh	Hiếu	D16QX	3.5				2	
17	Nguyễn Thanh	Sang	D16QX	3.5				2	
18	Nguyễn Văn	Hữu	D18X3	3.3				2	
19	Nguyễn Hoài	Thu	D16KX2	3.3				2	
20	Huỳnh Thị Bích	Trâm	D16KX2	3				2	
21	Lê Huỳnh	Chiến	D16KX2	3				2	
22	Nguyễn Văn	Dũng	D16X5	3				2	
23	Trần Đức	Ý	D18X2	3				2	
24	Nguyễn Quốc	Thanh	D16KX2	2.8				2	
25	Tô Duy	Toàn	D18X2	2.8				2	
26	Lê Kim	Hùng	D17CD	2.5				2	
27	Phạm	Rạ	D18X2	2.5				2	
28	Lê Hạnh	Duyên	D16KX2	2.3				2	
29	Trịnh Thị Ái	Hoa	D16KX2	2.3				2	
30	Trần Minh	Phụng	C18X	2.3				2	
31	Trương Công	Trịnh	D18X1					-2	Vắng
32	Đỗ Mạnh Tường	Duy	D18X1					-2	Vắng
33	Trần Ngọc	Vinh	D18X1					-2	Vắng
34	Trần Văn	Xuân	D16X3					-2	Vắng
35	Võ Quốc	Việt	D16X3					-2	Vắng
36	Phạm Văn	Thoại	D16X5					-2	Vắng
37	Nguyễn Ngọc	Sang	C18X					-2	Vắng

12